

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI FDI CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ XANH

Phùng Trọng Quế¹
Email: quept@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 09/01/2025

Ngày phản biện đánh giá: 11/07/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 25/07/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.598

Tóm tắt: Ưu đãi đầu tư là một trong những biện pháp thu hút đầu tư hiệu quả mà các quốc gia trên thế giới đều sử dụng một cách linh hoạt nhằm gia tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư và lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế. Trong bối cảnh hiện nay, các quốc gia trên toàn cầu, không chỉ Việt Nam đều đang theo đuổi chiến lược tăng trưởng xanh, nhằm mục đích “cân bằng” giữa sự thịnh vượng với bền vững sinh thái. Bài viết phân tích một số vấn đề pháp lý về ưu đãi đầu tư đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài theo pháp luật Việt Nam trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế xanh nhằm luận giải và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực này.

Từ khóa: ưu đãi đầu tư, kinh tế xanh, FDI xanh

I. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu và suy giảm tài nguyên đã trở thành thách thức hàng đầu đối với tăng trưởng dài hạn, và tăng trưởng kinh tế xanh (green growth) là mục tiêu quan trọng mà các quốc gia trên thế giới đều đang theo đuổi. Ở Việt Nam, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn đến năm 2050 xác định đây vừa là nội dung thiết yếu của phát triển bền vững, vừa là động lực bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và thân thiện với môi trường. Theo đó tăng trưởng xanh là một

nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 được Chính phủ đưa ra tại COP26 “đã đặt ra yêu cầu huy động khoảng 350 - 400 tỷ USD cho các dự án phát triển bền vững đến năm 2040, tương đương khoảng 6,8 % GDP mỗi năm, trong đó khu vực ngoài nhà nước phải đáp ứng khoảng 65 % nhu cầu vốn” (Tài chính Việt Nam, 2025). Tuy nhiên, Báo cáo Chính phủ về công tác bảo vệ môi trường năm 2017 cho thấy

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

nguồn ngân sách phân bổ mới chỉ đáp ứng 55% tổng nhu cầu chi, phản ánh khoảng trống tài chính đáng kể cho các nhiệm vụ chuyển đổi xanh (mới đáp ứng được 55% nhu cầu). Trong khung chính sách đó, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hướng xanh (FDI xanh) được kỳ vọng sẽ bổ sung nguồn lực dài hạn cho hạ tầng phát thải thấp, thúc đẩy chuyển giao công nghệ sạch và lan tỏa chuẩn mực quản trị ESG. Vì vậy, các chính sách ưu đãi đầu tư giữ vai trò quan trọng trong việc kiến tạo môi trường đầu tư cạnh tranh, phù hợp thông lệ quốc tế và gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh, phát triển bền vững.

Vì vậy, việc nghiên cứu, phân tích và hoàn thiện khung pháp lý về ưu đãi đầu tư - đặc biệt đối với FDI xanh không chỉ góp phần khắc phục hạn chế nguồn lực công mà còn tạo lập nền tảng pháp lý vững chắc nhằm hướng đến phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

II. Cơ sở lý thuyết

Bài báo sử dụng cơ sở lý thuyết về nhà nước kiến tạo phát triển kết hợp cách tiếp cận “quyền - nghĩa vụ” của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư để làm nền tảng cho kết quả nghiên cứu. Theo đó, nhà nước với vai trò của mình sẽ biến các ưu đãi thành đòn bẩy khuyến khích kèm cơ chế ràng buộc trách nhiệm, giúp đạt được các mục tiêu tăng trưởng. Đối với các nhà đầu tư, xu hướng quản trị đầu tư hiện đại coi ưu đãi đầu tư là quyền lợi mà nhà nước trao có điều kiện, đối ứng bằng nghĩa vụ cụ thể của nhà đầu tư. Nói cách khác, ưu đãi trao đi (quyền) phải đi đôi với nghĩa vụ ràng buộc. Kết hợp lý thuyết nhà nước kiến tạo phát triển và “quyền - nghĩa vụ” tạo nền tảng lý luận vững chắc để đưa ra các ưu đãi FDI theo hướng có mục tiêu, có điều kiện và gắn trách nhiệm môi trường,

giúp cân bằng lợi ích giữa nhà nước - nhà đầu tư - xã hội trong quá trình chuyển dịch sang tăng trưởng kinh tế xanh.

III. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài phương pháp luận như duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp thu thập thông tin, phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích để làm rõ một số vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật cũng như giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư FDI xanh theo pháp luật hiện hành.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Khái quát về ưu đãi đầu tư đối với FDI của Việt Nam trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế xanh

Theo định nghĩa của Diễn đàn của Liên Hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD, 2000) thì ưu đãi đầu tư được hiểu như là khuyến khích đầu tư, “các ưu đãi đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể được định nghĩa là bất kỳ lợi thế đo lường được nào được Chính phủ dành cho một doanh nghiệp hay một nhóm doanh nghiệp nhất định nhằm khuyến khích họ hành động theo một cách thức nhất định”. Theo Phạm (2008) thì ưu đãi đầu tư có thể quy về hai nhóm chính là chính sách thuế khóa (tax policy) và chính sách khác không phải là thuế (non-tax policy).

Luật Đầu tư (LĐT) năm 2020 của Việt Nam không giải nghĩa cụm từ “ưu đãi đầu tư”. Theo Từ điển Tiếng Việt (1994), nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, thì ưu đãi nghĩa là chú trọng, dành cho những quyền lợi điều kiện tốt hơn những đối tượng khác. Bên cạnh đó, xuất phát từ nội dung các quy định về ưu đãi đầu tư trong LĐT 2020, có thể hiểu ưu đãi đầu tư là việc Nhà nước tạo ra những quyền lợi, lợi ích đặc

biệt dành cho nhà đầu tư khi đầu tư vào lĩnh vực, địa bàn hoặc đầu tư vào dự án đáp ứng điều kiện do Nhà nước đặt ra.

Dựa vào cách phân loại hoạt động đầu tư, theo thông lệ quốc tế thì đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài có quyền quản lý, kiểm soát quản trị nội bộ của một doanh nghiệp, gọi là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)². Chủ thể của hoạt động đầu tư này là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam theo khoản 1 Điều 23 LĐT 2020. Và theo nguyên tắc của ưu đãi đầu tư thì chủ thể đầu tư sẽ được hưởng ưu đãi đầu tư nếu đầu tư vào lĩnh vực, địa bàn được hưởng ưu đãi theo pháp luật Việt Nam (nước tiếp nhận đầu tư).

Hiện nay trên thế giới có khá nhiều các định nghĩa về kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, như của EU, WB, ICC (Phòng Thương mại quốc tế), The Green Economy Coalition, UNEP. Và cho đến nay, Chương trình về Môi trường của Liên Hợp quốc (UNEP, 2011) định nghĩa về kinh tế xanh được cho là đầy đủ và toàn diện nhất, theo đó, đây là “nền kinh tế mang lại hạnh phúc cho con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể các rủi ro và khan hiếm môi trường. Đó là nền kinh tế ít phát thải carbon, sử dụng hiệu quả tài nguyên và đảm bảo công bằng xã hội”.

Khái quát lại, có thể hiểu ưu đãi đầu tư cho FDI trong bối cảnh kinh tế xanh được hiểu là các ưu đãi mà nhà nước Việt Nam dành cho FDI nhằm mục tiêu vừa tăng trưởng kinh tế và vừa bảo vệ môi trường sống trong lành, bền vững.

4.2. Thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với FDI trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế xanh

Về hình thức ưu đãi, LĐT năm 2020 đã mở rộng hơn khi bổ sung hình thức: khấu hao nhanh và tăng mức chi phí được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, bên cạnh các ưu đãi vốn có: ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu, miễn hoặc giảm tiền sử dụng/thuê đất và thuế sử dụng đất.

Về đối tượng được hưởng ưu đãi, LĐT 2020 và cụ thể là Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư tại Phụ lục II Nghị định 31/2021/NĐ-CP được điều chỉnh theo định hướng của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, ngành nghề “sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải tập trung” là ngành, nghề được ưu đãi đầu tư đặc biệt. Đây đều là những sự bổ sung cần thiết, vừa cập nhật phù hợp với xu hướng phát triển, góp phần thúc đẩy, thu hút đầu tư “xanh”. Các đối tượng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt là những dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế, xã hội. Các dự án này được quy định cụ thể tại khoản 2 và khoản 6 Điều 20 LĐT 2020. Để hiện thực hóa quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt tại điều 20 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP, Thủ tướng đã ban hành Quyết định 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 ấn định 03 mức ưu đãi. Lĩnh vực năng lượng sạch, công nghệ cao đủ điều kiện hưởng nếu đáp ứng tiêu chí kỹ thuật, điều kiện về mức vốn đầu tư hay thuộc dự án trọng điểm quốc gia về hạ tầng chuyển đổi năng lượng. Quy định này đã tạo “hệ bậc

² Foreign Direct Investment enterprise

thang” rất sâu cho việc thu hút FDI xanh. Bên cạnh đó, điều 36a Luật Đầu tư (bổ sung 2024) và Nghị định 19/2025/NĐ-CP thiết lập “thủ tục đầu tư đặc biệt”. Mới đây, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 tiếp tục ấn định mức ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đối với các dự án đầu tư sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; bảo vệ môi trường. Luật Thuế TNDN năm 2025 đã thu gọn đầu mối, khắc phục tình trạng ưu đãi dàn trải, đã đánh dấu bước cải thiện đáng kể về tính minh bạch và nhất quán. Tuy nhiên, khung chính sách ưu đãi hiện hành vẫn chủ yếu dựa vào biện pháp miễn, giảm thuế trên thu nhập, trong khi chưa phối hợp hài hòa giữa ưu đãi theo thu nhập và ưu đãi theo chi phí như thông lệ quốc tế. Thiếu vắng sự kết hợp này khiến Việt Nam chưa thực sự thu hút được thể hệ nhà đầu tư mới - những chủ thể đề cao giá trị gia tăng và yêu cầu sâu về chất lượng dòng vốn.

Chiến lược Tăng trưởng xanh 2021-2030 được ban hành theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg đã đặt mục tiêu nâng tỷ trọng vốn FDI xanh trong tổng FDI lên $\geq 40\%$ năm 2030 và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì hoàn thiện khung ưu đãi “xanh”. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022, tr.8), *“hệ thống phân loại xanh là nền tảng cho các cơ chế chính sách và chiến lược về tăng trưởng xanh và tăng trưởng bền vững. Việt Nam cần gấp rút nghiên cứu và hoàn thiện bộ phân loại xanh toàn diện, tạo cơ sở để đưa ra thêm các cơ chế chính sách thu hút đầu tư và hỗ trợ triển khai các dự án xanh”*. Bộ Tài nguyên và môi trường (TN&MT) là cơ quan được giao nhiệm vụ soạn thảo về hệ thống xanh quốc gia, nhưng đến nay vẫn đang trong quá trình dự thảo. Nếu Việt Nam tiếp tục thiếu hoặc chậm trễ trong

việc ban hành hệ thống phân loại xanh quốc gia - một chuẩn chung, thì không chỉ thị trường vốn xanh sẽ phát triển mạnh mẽ, không hiệu quả mà cả mục tiêu về thu hút các dự án đầu tư xanh cũng khó đạt được. Nhà đầu tư nước ngoài sẽ có tâm lý e ngại đầu tư khi không có cơ chế quy định xác thực rõ ràng hoặc quá khác biệt so với các tiêu chuẩn quốc tế.

Như vậy, pháp luật hiện hành vẫn chưa có quy phạm định nghĩa về “dự án đầu tư xanh”. LĐT 2020 chỉ nêu các ngành, nghề ưu đãi, không kèm chỉ số kỹ thuật hay ngưỡng phát thải bắt buộc. Chiến lược Tăng trưởng xanh quốc gia dùng thuật ngữ “dự án ít phát thải, hiệu quả tài nguyên” nhưng mới dừng ở mức định hướng. Quyết định 29/2021/QĐ-TTg đưa ra tiêu chí điểm “công nghệ cao, năng lượng sạch”, song các tiêu chí kỹ thuật như hàm lượng CO₂, hiệu suất năng lượng vẫn do Bộ chuyên ngành “hướng dẫn sau”. Điều này dẫn đến các hệ quả như nhà đầu tư có thể “sơn xanh” dự án nhờ danh mục khuyến khích chung nhưng thực chất vẫn công nghệ cũ (green - washing); mỗi địa phương có thể diễn giải “xanh” khác nhau; khó giám sát cho cơ quan nhà nước khi chưa có thước đo chung.

LĐT hiện hành thiếu đi cơ chế thu hồi ưu đãi đầu tư. LĐT 2020 chưa có điều luật riêng về thu hồi ưu đãi khi nhà đầu tư vi phạm môi trường. Quyết định 29/2021/QĐ-TTg có khoản “thu hồi nếu không đạt tiêu chí” nhưng chỉ áp dụng cho dự án hưởng mức siêu ưu đãi đặc biệt.

Về hỗ trợ tín dụng xanh: Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2020 đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi lần đầu tiên ghi nhận khái niệm tín dụng xanh (Điều 149) và trái phiếu xanh (Điều 150). Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết thi

hành Luật BVMT 2020 đã cụ thể hóa lộ trình cũng như cơ chế khuyến khích đối với việc cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh (khoản 2 Điều 154, cùng với các Điều 155, 156, 157). Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến tín dụng và trái phiếu xanh còn được lồng ghép trong: (i) định hướng phát triển bền vững của các tổ chức tín dụng (TCTD); (ii) Nghị định 153/2020/NĐ-CP và Nghị định 65/2022/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp; (iii) Nghị định 95/2018/NĐ-CP về trái phiếu Chính phủ; và (iv) Nghị định 93/2018/NĐ-CP về trái phiếu chính quyền địa phương. Sự đồng bộ này đã hình thành hành lang pháp lý xuyên suốt cho việc phát triển và quản lý hai kênh tài chính tiềm năng này qua đó tạo điều kiện huy động nguồn lực thị trường phục vụ chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kinh tế xanh; đồng thời hỗ trợ thực hiện các mục tiêu môi trường quốc gia và cam kết khí hậu quốc tế của Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định trên mới dừng ở yêu cầu “công khai mục đích vốn”, chưa gắn với các quy định về danh mục phân loại xanh. Chưa có tiêu chuẩn trái phiếu xanh quốc gia; lãi suất hỗ trợ phụ thuộc đánh giá ESG nội bộ³ của các TCTD, độ tin cậy chưa đồng nhất.

4.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế xanh

Một là, nhanh chóng ban hành bổ sung quy định về “dự án đầu tư xanh” và Danh mục phân loại xanh quốc gia.

Trước hết, cần bổ sung một điều khoản định nghĩa “đầu tư xanh/dự án đầu tư xanh” vào Luật Đầu tư. Theo đó, đây

là hoạt động rót vốn vào các dự án được gắn nhãn “xanh” theo Danh mục phân loại xanh quốc gia (Green Taxonomy). Danh mục này hiện mới dừng ở dạng dự thảo do Bộ TN&MT chủ trì soạn thảo. Việc chưa ban hành Danh mục phân loại xanh quốc gia đã tạo khoảng trống pháp lý khiến các TCTD thiếu cơ sở xác định dự án xanh, gia tăng rủi ro thẩm định và gây khó khăn cho hoạt động thống kê, hoạch định chính sách (Thời báo ngân hàng, 2025). Vì vậy, nhu cầu cấp thiết hiện nay là sớm ban hành Danh mục này theo hướng kế thừa chuẩn mực quốc tế nhưng phải phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội nước ta. Văn bản cần quy định rõ các lĩnh vực ưu tiên, hạng mục hoạt động đủ điều kiện, kèm bộ tiêu chí kỹ thuật chi tiết và cơ chế chứng nhận dự án xanh. Đồng thời, theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022) thì Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm quốc tế mà điển hình là Trung Quốc trong việc áp dụng lộ trình ưu đãi theo từng đợt: khởi đầu bằng giai đoạn thí điểm, sau đó từng bước điều chỉnh, mở rộng phù hợp tiến độ phát triển và mức độ hoàn thiện của khung pháp lý liên quan.

Hai là, hoàn thiện quy định về cơ chế thu hồi ưu đãi và lồng ghép các chỉ tiêu môi trường.

Cần chuyển các ưu đãi sang mô hình “đòn bẩy có trách nhiệm”. Cần có hướng dẫn chi tiết Điều 15 và 16 LĐT - yêu cầu hồ sơ ưu đãi đính kèm lộ trình giảm phát thải tuyệt đối, tỷ lệ chuyển giao công nghệ và nội địa hóa linh kiện xanh. Những chỉ tiêu này được ghi trực tiếp vào Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Nếu doanh nghiệp vi phạm liên tiếp hai năm, cơ quan có thẩm quyền sẽ truy thu toàn bộ số thuế, tiền thuế

³ Tiêu chuẩn đánh giá & đo lường các yếu tố về phát triển bền vững và ảnh hưởng của một doanh nghiệp đến cộng đồng xung quanh (Môi trường-Xã hội-Quản trị)

đất đã ưu đãi cộng thêm 10% tiền phạt và lãi suất tái đầu tư; đồng thời, dự án bị công khai trên Cổng thông tin điện tử về đầu tư. Để giám sát khách quan, nhà đầu tư bắt buộc thuê kiểm toán môi trường độc lập hai năm một lần.

Ba là, hoàn thiện khung pháp lý về tín dụng xanh, trái phiếu xanh.

Để tăng kênh vốn dài hạn cho các dự án FDI xanh, cần sửa Nghị định 153/2020/NĐ-CP và 65/2022/NĐ-CP, nâng chuẩn phát hành trái phiếu xanh lên ngang thông lệ quốc tế. Tất cả đợt phát hành phải được một tổ chức đánh giá độc lập hoặc đạt chứng nhận Climate Bonds/ASEAN Green Bond, đồng thời đảm bảo 100% dòng vốn ròng đổ vào dự án đáp ứng Danh mục phân loại xanh quốc gia. Doanh nghiệp phải công bố hằng năm báo cáo sử dụng vốn và tác động môi trường; nếu lệch mục đích trên 5%, họ không chỉ truy thu phần lãi đã được miễn thuế mà còn nộp phạt. Về ưu đãi, khoản 4 điều 10 Luật Thuế TNDN 2025 đã miễn thuế đối với lãi và chênh lệch chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu; thông tư hướng dẫn nên bổ sung cơ chế khấu trừ 50 % thuế TNDN cho phần lãi được tái đầu tư vào dự án năng lượng tái tạo, khuyến khích vòng quay vốn xanh trong nước.

Hơn nữa, các chính sách ưu đãi về thuế TNDN cần phải được rà soát, bổ sung theo hướng nên chuyển từ “danh mục tĩnh” sang “cơ chế động” dựa trên chỉ số kết quả, có thể thiết kế cơ chế “thưởng” theo tấn CO₂ không phát thải hoặc mức độ tuân thủ ESG đã kiểm toán. Song song, thiết kế cơ chế khấu hao siêu tốc, tín dụng thuế hoàn hoặc tín dụng chuyển nhượng cho khoản đầu tư vào công nghệ sạch, pin lưu trữ, hạ tầng hydrogen; đồng thời phối hợp với chính sách thuế toàn cầu (GMT) bằng

cách áp dụng “nền thuế mặt đất” để giữ lại phần thuế bổ sung tại Việt Nam. Thủ tục ưu đãi cần hợp nhất về một đầu mối “một cửa sổ hoá” với thời hạn xử lý ràng buộc; các bộ, ngành phối hợp ban hành gói hỗ trợ tích hợp thuế - tín dụng - thị trường phát thải để tạo hệ sinh thái khuyến khích đủ chiều sâu và ổn định nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường FDI xanh toàn cầu.

V. Kết luận

Pháp luật về ưu đãi đầu tư trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế xanh hiện nay có ý nghĩa quan trọng trong việc thu hút được các nguồn vốn FDI chất lượng cao cho hoạt động đầu tư vào dự án xanh. Quy định về ưu đãi đầu tư đã được ghi nhận trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh, các quy định pháp luật cần tiếp tục có sự rà soát và điều chỉnh theo hướng ưu đãi vẫn sâu, nhưng đi kèm cam kết và cơ chế thu hồi rõ ràng; xây dựng hệ thống tín dụng xanh đáng tin cậy.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2025-02.58.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2022). *Báo cáo Tăng trưởng xanh: Cơ hội đột phá và hướng đi cho Việt Nam*.
- [2]. Phạm, T. T. N. (2008). *Pháp luật của Việt Nam về ưu đãi đầu tư với thực tiễn ở tỉnh Quảng Ngãi*, luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.
- [3]. Quốc hội Việt Nam. (2020). Luật Đầu tư năm 2020.
- [4]. Tài chính Việt Nam. (2025). *Thiếu danh mục phân loại xanh: Không có chuẩn chung, vốn xanh phát triển manh mún*, <https://finratings.vn/NewsDetail/11589659> truy cập 20/6/2025.

- [5]. Thời báo ngân hàng. (2025). *Danh mục phân loại xanh - nền tảng pháp lý cho tín dụng xanh tăng tốc*, <https://vnba.org.vn/vi/danh-muc-phan-loai-xanh---nen-tang-phap-ly-cho-tin-dung-xanh-tang-toc-17488.htm> truy cập 21/6/2025.
- [6]. Từ điển Tiếng Việt. (1994). Nhà xuất bản giáo dục Hà Nội.
- [7]. UNEP. (2011). *Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication*.
- [8]. United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD). (2000). *Tax incentives and foreign direct investment: A global survey* (ASIT Advisory Studies No. 16).

LEGAL ISSUES CONCERNING INVESTMENT INCENTIVES FOR FDI IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF GREEN ECONOMIC GROWTH

Phung Trong Que⁴

Abstract: *Investment incentives are among the most effective measures employed flexibly by countries worldwide to enhance the attractiveness of their investment environments and strengthen the competitive advantages of their economies. In the current context, nations around the globe, including Vietnam, are pursuing green growth strategies that seek to balance economic prosperity and ecological sustainability. This paper examines several legal issues related to investment incentives for foreign direct investment under Vietnamese law within the framework of green economic growth. The purpose is to provide a legal rationale and propose recommendations to refine the legal framework in this field.*

Keywords: *investment incentives, green economy, green FDI*

⁴ Hanoi Open University